

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 35

4064
NG T
HIỆM H
KH
T NA
UÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vietcaplink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vietcaplink được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108156186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11/01/2023.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108156186 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2023, Công ty có Vốn điều lệ là 70.928.500.000 đồng tương ứng với 7.092.850 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Mạnh Linh	Chủ tịch HĐQT
- Ông Tạ Thanh Thao	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Trịnh Ngọc Khiêm	Giám đốc	Kể từ ngày 16/10/2022 (i)
- Ông Phạm Minh Tiến	Giám đốc	Đến ngày 15/10/2022 (i)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Tạ Trung Bắc	Trưởng ban	Kể từ ngày 31/07/2022 (ii)
- Bà Hoàng Việt Hà	Thành viên	Kể từ ngày 31/07/2022 (ii)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	Kể từ ngày 31/07/2022 (ii)

- (i) Theo Nghị quyết số 10/2022/QĐHĐQT ngày 16/10/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vietcaplink.
- (ii) Theo Nghị Quyết số 321/2022/BBĐHHĐCĐ ngày 31/07/2022 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vietcaplink

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC 



TRỊNH NGỌC KHIÊM

34406
CÔNG
NHIỆM
PK
IẾT N
YUAN

Số: 117/2023/BCKT-PKFVN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Vietcaplink**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vietcaplink được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vietcaplink chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vietcaplink có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vietcaplink được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 2. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH** trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Công ty Cổ phần Vietcaplink thay đổi từ áp dụng Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa sang áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2023-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2023-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.262.745.459	167.261.132.087
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		544.916.482	18.660.643.367
Tiền	111	5.1	544.916.482	18.660.643.367
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	38.193.748.987	142.740.336.780
Chứng khoán kinh doanh	121		41.541.666.117	146.695.822.172
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(3.347.917.130)	(3.955.485.392)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.755.704.506	5.855.725.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.019.563	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	-	18.700.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	31.978.000.000	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	22.776.684.943	837.025.577
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		768.375.484	4.426.363
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.390.907	4.426.363
Thuế GTGT được khấu trừ	152		359.322	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	763.625.255	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.885.184.061	548.656.665
Tài sản cố định	220		-	-
TSCĐ vô hình	227		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		590.928.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	590.928.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	11.917.116.532	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.000.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.082.883.468)	-
Tài sản dài hạn khác	260		377.139.529	548.656.665
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	377.139.529	548.656.665
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.147.929.520	167.809.788.752

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		54.528.405.039	101.333.097.171
Nợ ngắn hạn	310		54.528.405.039	101.333.097.171
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	7.490.107	687.407
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.000.000	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	29.451.000	2.548.923.470
Phải trả người lao động	314		210.768.000	174.238.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	186.885.666	231.914.452
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	36.804.367.635	51.740.796.820
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	16.908.226.776	46.636.537.022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		377.215.855	-
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.619.524.481	66.476.691.581
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	52.619.524.481	66.476.691.581
Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.928.500.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.928.500.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.889.404.016	376.550.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	8.555.824.480
Quỹ đầu tư phát triển	418		377.215.855	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		377.215.855	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.952.811.245)	7.544.317.101
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.265.304	(662.016.953)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(24.012.076.549)	8.206.334.054
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.147.929.520	167.809.788.752

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ ANH

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

NGUYỄN TRỌNG PHÁT

GIÁM ĐỐC



TRỊNH NGỌC KHIÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.997.995.238	2.638.236.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	20.227.272
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		2.997.995.238	2.618.009.218
Giá vốn hàng bán	11	6.3	-	796.879.500
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.997.995.238	1.821.129.718
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	13.876.096.061	22.941.535.537
Chi phí tài chính	22	6.5	37.149.905.661	11.572.185.034
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.855.142.198	704.589.833
Chi phí bán hàng	25	6.6	18.315.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.082.995.024	2.400.757.844
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(24.377.124.386)	10.789.722.377
Thu nhập khác	31	6.7	365.047.861	61.286.342
Chi phí khác	32	6.8	24	182.910.029
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		365.047.837	(121.623.687)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24.012.076.549)	10.668.098.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	2.461.764.636
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(24.012.076.549)	8.206.334.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(4.138)	1.774

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ ANH

NGUYỄN TRỌNG PHÁT

TRỊNH NGỌC KHIÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(24.012.076.549)	10.668.108.690
Các khoản dự phòng	03		475.315.206	3.955.485.392
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.358.143.291)	(2.287.334.654)
Chi phí lãi vay	06		2.855.142.198	704.589.833
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23.039.762.436)	13.040.849.261
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.553.013.828)	1.074.450.000
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(14.461.845.297)	45.215.291.702
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		171.552.592	(553.083.028)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		105.154.156.055	(128.086.257.151)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.901.779.279)	654.544.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.149.475.314)	16.649.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.219.832.493	(68.637.555.240)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(590.928.000)	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(91.398.000.000)	(246.100.161.394)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		64.420.000.000	241.100.171.394
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.988.818.868	1.656.659.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.580.109.132)	(3.343.330.921)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.472.860.000	15.562.374.480
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	399.835.061.711	423.051.266.152
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(430.063.371.957)	(348.678.573.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.755.450.246)	89.935.067.008
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(18.115.726.885)	17.954.180.847
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.660.643.367	706.462.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		544.916.482	18.660.643.367

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ ANH

NGUYỄN TRỌNG PHÁT

TRỊNH NGỌC KHIÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vietcaplink được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108156186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11/01/2023.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108156186 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2023, Công ty có Vốn điều lệ là 70.928.500.000 đồng tương ứng với 7.092.850 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực hoạt động

Đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Hoạt động tư vấn đầu tư tài chính;
- Mua bán chứng khoán kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 được lập và trình bày theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

40-C
TY
HỮU H
7
1M
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lộ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn được lập căn cứ vào giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy hoặc khoản lỗ của bên được đầu tư (nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách đáng tin cậy) và giá gốc tương ứng của khoản đầu tư đó đang được hạch toán trên sổ kế toán.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

4.6 Tài sản khác

Tài sản khác bao gồm các khoản chi phí trả trước, thuê và các khoản phải thu Nhà nước.

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian phân bổ các chi phí phát sinh được ghi nhận vào chi phí trả trước không quá 03 năm.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4.8 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4400
ÔNG
NHÌM
PK
TN
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

40-C
TY
HỮU
8
AM
-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	-	370.638.010
Tiền gửi ngân hàng (i)	544.557.766	16.566.912.395
Tiền gửi tại công ty chứng khoán (ii)	358.716	1.723.092.962
Cộng	544.916.482	18.660.643.367
 (i) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		544.557.766
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1</i>		544.557.766
Cộng		544.557.766
 (ii) Số dư tiền gửi công ty chứng khoán tại ngày 31/12/2022 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		358.713
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán KBS</i>		56.432
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán MBS</i>		13.241
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán Pinetree</i>		78.305
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán SSI</i>		11.025
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán VPS</i>		494
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán AGRISECO</i>		199.219
Cộng		358.716



ÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụ Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

ăm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. Các khoản Đầu tư tài chính

	Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
1. Chứng khoán kinh doanh					
Tổng giá trị cổ phiếu		41.541.666.117	42.251.005.000 (3.347.917.130)	146.695.822.172	157.287.047.000 (3.955.485.392)
Danh mục cổ phiếu Vietcaplink đầu tư (tự doanh)		16.021.755.939	18.464.325.000 (273.295.266)	92.121.982.125	99.963.427.000 (1.972.911.825)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	-	-	707.119	1.382.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	-	-	31.651.647.217	32.500.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	-	-	18.929.131.604	17.729.440.000 (1.199.691.604)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	FMC	-	-	10.399.054.309	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	-	-	13.014.962.870	18.557.200.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	MIG	-	-	7.171.541.211	6.565.905.000 (605.636.211)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	TV2	-	-	7.119.853.785	7.942.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần PVI	PVI	-	-	3.835.084.010	3.667.500.000 (167.584.010)
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (HOSE)	GEX	1.885.295.266	1.612.000.000 (273.295.266)	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

lăm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	31/12/2022			01/01/2022		
		VND	VND		VND	VND
Mã CK	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP (HOSE)	9.064.761.481	10.890.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	4.491.204.753	5.375.875.000	-	-	-	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex	580.494.439	586.450.000	-	-	-	-
Danh mục cổ phiếu Hợp tác kinh doanh BCC	25.519.910.178	23.786.680.000	(3.074.621.864)	54.573.840.047	57.323.620.000	(1.982.573.567)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	14.520.969.775	14.105.600.000	(415.369.775)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	-	24.179.411.257	23.520.000.000	(659.411.257)
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	-	-	7.868.498.420	12.600.400.000	-
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	-	-	-	6.817.929.583	5.955.345.000	(862.584.583)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần PVI	2.162.495.591	2.294.400.000	-	1.184.577.952	1.139.370.000	(45.207.952)
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	-	-	1.378.275	1.445.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	-	-	-	1.074.785	1.460.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (HOSE)	2.569.552.954	2.145.000.000	(424.552.954)	-	-	-

ẤN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

âm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã CK	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (HOSE)	10.420.160.728	8.680.000.000	(1.740.160.728)	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (UpCOM)	6.702.188.182	5.792.280.000	(909.908.182)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3.665.512.723	4.875.000.000	-	-	-	-
Cộng	41.541.666.117	42.251.005.000	(3.347.917.130)	146.695.822.172	157.287.047.000	(3.955.485.392)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022.

Tỷ lệ vốn góp	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.000.000.000	12.228.759.482	(1.082.883.468)	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.000.000.000	12.228.759.482	(1.082.883.468)	-	-	-
Cộng	13.000.000.000	12.228.759.482	(1.082.883.468)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	1.019.563	-
GITIHO	1.019.563	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>1.019.563</u>	<u>-</u>

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	-	18.700.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Lumos Việt Nam	-	18.700.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>18.700.000</u>

5.5. Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	22.776.684.943	-	837.025.577	-
Bảo hiểm	2.240.000	-	-	-
Chứng khoán đã bán chờ tiền về	1.714.150.000	-	-	-
Phải thu tiền lãi cho vay	-	-	630.675.577	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	206.600.000	-	206.350.000	-
Lỗi ước tính của hoạt động BCC	20.853.694.943	-	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>22.776.684.943</u>	<u>-</u>	<u>837.025.577</u>	<u>-</u>

5.6. Phải thu về cho vay

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	31.978.000.000	5.000.000.000
Ông Tạ Quang Hưng	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Vietcaplink	31.978.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>31.978.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**5.7. Chi phí trả trước**

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	4.390.907	4.426.363
Công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	4.390.907	4.426.363
b. Dài hạn	377.139.529	548.656.665
Công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	105.203.959	101.742.999
Chi phí sửa chữa văn phòng	271.935.570	446.913.666
Cộng	381.530.436	553.083.028

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Xây dựng cơ bản	590.928.000	-
Website	590.928.000	-
Cộng	590.928.000	-

5.9. Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	7.490.107	7.490.107	687.407	687.407
Tổng công ty Cổ phần bưu chính Viettel	1.901.502	1.901.502	687.407	687.407
Công ty Cổ phần Property One	5.588.605	5.588.605	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.490.107	7.490.107	687.407	687.407

PHÂN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 m tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

0. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
Gốc vay ngắn hạn	46.636.537.022	46.636.537.022	400.335.061.711	430.063.371.957	16.908.226.776	16.908.226.776
Công ty Cổ phần chứng khoán MBS	-	-	47.812.271.297	47.812.271.297	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Pinetree	2.500.422.536	2.500.422.536	5.424.288.348	7.924.710.884	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	24.891.002.818	24.891.002.818	173.212.637.414	190.088.901.069	8.014.739.163	8.014.739.163
Công ty Cổ phần chứng khoán VPS	14.245.111.668	14.245.111.668	170.585.864.652	176.437.488.707	8.393.487.613	8.393.487.613
Vay cá nhân	5.000.000.000	5.000.000.000	3.300.000.000	7.800.000.000	500.000.000	500.000.000
Gốc vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	46.636.537.022	46.636.537.022	400.335.061.711	430.063.371.957	16.908.226.776	16.908.226.776

	01/01/2022 (VND)		Giá trị	Khả năng trả nợ	31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	-	-	-	-	-	-
Số dư tại thời điểm lập BCTC	46.636.537.022	46.636.537.022	46.636.537.022	46.636.537.022	16.908.226.776	16.908.226.776
1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	46.636.537.022	46.636.537.022	46.636.537.022	46.636.537.022	16.908.226.776	16.908.226.776
2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	-	-	-	-	-	-

Số dư và giao dịch với các đối tượng cho vay là các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chi tiết tại mục thuyết minh số 8.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2022 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	35.433.682	147.472.852	182.070.570	835.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.445.115.363	-	2.445.115.363	-
Thuế thu nhập cá nhân	68.374.425	469.638.366	510.017.870	27.994.921
Các loại thuế, phí khác	-	3.716.108	4.336.223	620.115
Cộng	2.548.923.470	619.414.779	3.141.540.026	28.615.036
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(59.265.304)	704.359.951	763.625.255
Cộng	-	(59.265.304)	704.359.951	763.625.255

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	36.804.367.635	51.740.796.820
Phải trả tiền vốn góp hợp tác kinh doanh	36.600.109.037	44.930.000.000
Lãi ước tính của hoạt động BCC	-	4.135.955.832
Lợi nhuận phải trả nhà đầu tư của các hợp đồng	-	2.674.840.988
Các khoản phải trả, phải nộp khác	204.258.598	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	36.804.367.635	51.740.796.820

c. Chi tiết đối tượng phải trả khác là các bên liên quan tại mục thuyết minh số 8.3

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	186.885.666	231.914.452
Lãi vay và phí tài khoản chứng khoán	186.885.666	231.914.452
b. Dài hạn	-	-
Cộng	186.885.666	231.914.452

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

PHÂN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
m tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(662.016.953)	-	3.337.983.047	
Tăng vốn trong năm trước	46.000.000.000	376.550.000	376.550.000	8.555.824.480	8.555.824.480	-	-	-	-	-	-	-	54.932.374.480	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.206.334.054	-	8.206.334.054	
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	50.000.000.000	376.550.000	376.550.000	8.555.824.480	8.555.824.480	-	-	-	-	-	7.544.317.101	-	66.476.691.581	
Tăng vốn trong năm nay	14.515.830.464	4.512.854.016	4.512.854.016	(8.555.824.480)	(8.555.824.480)	-	-	-	-	-	-	-	10.472.860.000	
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(24.012.076.549)	-	(24.012.076.549)	
Phân phối lợi nhuận (*)	6.412.669.536	-	-	-	-	-	377.215.855	377.215.855	377.215.855	377.215.855	(7.544.317.101)	-	(377.215.855)	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	59.265.304	-	59.265.304	
Số dư cuối năm	70.928.500.000	4.889.404.016	4.889.404.016	-	-	377.215.855	377.215.855	377.215.855	377.215.855	377.215.855	(23.952.811.245)	(23.952.811.245)	52.619.524.481	

(*) Theo Nghị Quyết số 321/2022/BĐHHĐCĐ ngày 31/07/2022 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vietcaplink. Trong đó thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau: trả cổ tức bằng cổ phiếu 6.412.669.536 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 377.215.855 VND, quỹ đầu tư và phát triển 377.215.855 VND và quỹ dự phòng 377.215.855 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Tạ Trung Bắc	9.166.680.000	-
Hoàng Việt Hà	7.448.400.000	-
Bùi Mạnh Linh	6.479.710.000	4.339.030.000
Nguyễn Trung Hiếu	5.940.000.000	3.858.020.000
Tạ Thanh Thảo	5.872.930.000	4.828.590.000
Nguyễn Trọng Phát	3.828.480.000	1.000.000.000
Phạm Thị Minh Loan	3.300.000.000	3.000.000.000
Phạm Minh Tiến	3.089.770.000	2.798.890.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Bảo Trang	2.891.440.000	2.628.590.000
Các đối tượng khác	22.911.090.000	27.546.880.000
Cộng	70.928.500.000	50.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.092.850	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.092.850	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.092.850	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.092.850	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.092.850	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.818.180
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.997.995.238	2.636.418.310
Cộng	2.997.995.238	2.638.236.490

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Giảm giá dịch vụ cung cấp	-	20.227.272
Cộng	-	20.227.272

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Giá vốn bán hàng	-	1.860.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	795.019.500
Cộng	-	796.879.500

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	353.743.291	2.077.334.654
Lãi từ hoạt động kinh doanh BCC	8.043.363.333	20.654.200.883
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.474.589.437	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.004.400.000	210.000.000
Cộng	13.876.096.061	22.941.535.537

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lãi tiền vay	2.855.142.198	704.589.833
Lỗ từ hoạt động kinh doanh BCC	(3.409.294.752)	8.894.683.376
Lỗ kinh doanh chứng khoán	37.856.105.914	-
Phí giao dịch bán chứng khoán	464.685.392	-
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.699.616.559)	1.972.911.825
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	1.082.883.468	-
Cộng	37.149.905.661	11.572.185.034

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.082.995.024	2.400.757.844
Chi phí nhân viên	2.445.247.469	1.304.019.820
Chi phí vật liệu	-	9.045.452
Chi phí đồ dùng, công cụ dụng cụ	824.092.561	158.261.581
Thuế, phí, lệ phí	4.160.532	2.000.000
Chi phí bằng tiền khác	809.494.462	927.430.991
b. Chi phí bán hàng	18.315.000	-
Hoa hồng cộng tác viên	18.315.000	-
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý kinh doanh	-	-
Cộng	4.101.310.024	2.400.757.844

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Các khoản thu nhập khác	365.047.861	61.286.342
Cộng	365.047.861	61.286.342

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	3.029.451
Các khoản chi phí khác	24	179.880.578
Cộng	24	182.910.029

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	824.092.568	169.167.033
Chi phí nhân công	2.445.247.469	2.099.039.320
Chi phí khác bằng tiền	821.069.831	1.254.990.686
Cộng	4.090.409.868	3.523.197.039

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.012.076.549)	10.668.098.690
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	(8.341.938.498)	2.512.761.445
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	-	149.358.112
<i>Lãi lỗ chưa thực hiện năm nay</i>	(8.479.934.072)	2.363.403.333
<i>Lãi lỗ chưa thực hiện năm trước thực hiện trong năm nay</i>	(2.363.403.333)	-
<i>Chi phí lãi vay không được trừ do doanh nghiệp có giao dịch với bên liên kết</i>	2.501.398.907	-
- Thu nhập chịu thuế	(32.354.015.047)	13.180.860.135
- Thu nhập miễn thuế	(2.004.400.000)	(210.000.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(2.004.400.000)	(210.000.000)
- Chuyển lỗ năm trước	-	(662.036.953)
- Thu nhập tính thuế	(34.358.415.047)	12.308.823.182
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.461.764.636
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.461.764.636

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(24.012.076.549)	8.206.334.054
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	(377.215.855)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	(24.012.076.549)	7.829.118.199
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.802.737	4.414.369
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.138)	1.774

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Tiền thu từ đi vay

Tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường	399.835.061.711 VND
Tiền vay thu từ việc chuyển đổi tiền cá nhân cho mượn	500.000.000 VND
Cộng	425.051.266.152 VND

7.2. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính

Tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	430.063.371.957 VND
Cộng	430.063.371.957 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay, mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng và công cụ chứng khoán

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	544.916.482		544.916.482
Phải thu khách hàng	1.019.563	-	1.019.563
Đầu tư	41.541.666.117	-	41.541.666.117
Phải thu khác	54.754.684.943	-	54.754.684.943
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.347.917.130)	-	(3.347.917.130)
Tổng cộng	93.494.369.975	-	93.494.369.975
Ngày 31/12/2022			
Các khoản vay và nợ	16.908.226.776	-	16.908.226.776
Phải trả người bán	7.490.107	-	7.490.107
Phải trả, phải nộp khác	36.989.151.821	-	36.989.151.821
Tổng cộng	53.904.868.704	-	53.904.868.704
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.682.728.942	-	39.682.728.942
Ngày 01/01/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.660.643.367	-	18.660.643.367
Phải thu khách hàng	-	-	-
Đầu tư	146.695.822.172	-	146.695.822.172
Phải thu khác	5.855.725.577	-	5.855.725.577
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.955.485.392)	-	(3.955.485.392)
Tổng cộng	167.256.705.724	-	167.256.705.724
Ngày 01/01/2022			
Các khoản vay và nợ	46.636.537.022	-	46.636.537.022
Phải trả người bán	687.407	-	687.407
Phải trả, Phải nộp khác	51.972.711.272	-	51.972.711.272
Tổng cộng	98.609.935.701	-	98.609.935.701
Chênh lệch thanh khoản thuần	68.646.770.023	-	68.646.770.023

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	54.755.704.506	5.855.725.577	54.755.704.506	5.855.725.577
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.019.563	-	1.019.563	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	54.754.684.943	5.855.725.577	54.754.684.943	5.855.725.577
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	42.086.582.599	165.356.465.539	42.795.921.482	175.947.690.367
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	41.541.666.117	146.695.822.172	42.251.005.000	157.287.047.000
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	544.916.482	18.660.643.367	544.916.482	18.660.643.367
Tổng cộng	96.842.287.105	171.212.191.116	97.551.625.988	181.803.415.944
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	16.908.226.776	46.636.537.022	16.908.226.776	46.636.537.022
<i>Phải trả người bán</i>	7.490.107	687.407	7.490.107	687.407
<i>Phải trả khác</i>	36.991.253.301	51.972.711.272	36.991.253.301	51.972.711.272
Tổng cộng	53.906.970.184	98.609.935.701	53.906.970.184	98.609.935.701

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

1-1
 HỮU
 TIỀN
 140

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là mua bán chứng khoán kinh doanh, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục công nợ	Số dư tại 31/12/2022 (VND)
Bùi Mạnh Linh	Chủ tịch HĐQT	Vay và nợ thuê tài chính	500.000.000
		Phải trả khác	172.060.875
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	Phải trả khác	160.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Vietcaplink	Công ty liên kết	Phải trả khác	19.000.000.000
		Phải thu về cho vay	31.978.000.000
		Phải thu khác	93.227.671

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
Tạ Thanh Thao	Thành viên HĐQT	Nhận tiền góp vốn chủ sở hữu	510.440.000
Bùi Mạnh Linh	Chủ tịch HĐQT	Chuyển từ tiền cho mượn sang cho vay	500.000.000
		Thu tiền trả công nợ phải thu khác	293.182.492
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	Nhận tiền góp vốn chủ sở hữu	1.641.980.000
		Chuyển trả vốn góp hợp tác đầu tư	150.000.000
		Trả lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	10.222.225
		Nhận vốn góp hợp tác đầu tư	160.000.000
Tạ Trung Bắc	Trưởng Ban Kiểm soát	Tiền trả nợ gốc vay	5.000.000.000
		Trả tiền lãi vay	177.741.101

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
Hoàng Việt Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	Nhận tiền góp vốn chủ sở hữu	7.800.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Vietcaplink	Công ty liên kết	Tiền chi cho vay	54.978.000.000
		Tiền thu gốc vay	23.000.000.000
		Tiền thu về gốc đi vay	2.800.000.000
		Tiền trả nợ gốc vay	2.800.000.000
		Nhận vốn góp hợp tác đầu tư	19.000.000.000
Phạm Minh Tiến	Nguyên Giám đốc Công ty	Nhận tiền góp vốn chủ sở hữu	10.000.000
		Thu tiền công nợ phải thu khác	328.437.628

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
Năm 2022
(VND)

Lương và thưởng của Ban Giám đốc	137.727.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	262.000.000
Thù lao và thưởng của Ban Kiểm soát	-
Tổng cộng	399.727.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ ANH

NGUYỄN TRỌNG PHÁT

TRỊNH NGỌC KHIÊM